

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 647/2025/DS-PT

Ngày: 29/8/2025

V/v “*Tranh chấp giao dịch hui*”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy.

- Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Tăng

Ông Nguyễn Chí Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Bà Huỳnh Thị Đạm - Kiểm sát viên.

Ngày 29/8/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 384/2025/TLPT-DS ngày 14 tháng 7 năm 2025, về việc “*Tranh chấp giao dịch hui*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 32/2025/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự (nay Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Đồng Tháp) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 431/2025/QĐ-PT ngày 21 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phan Ngọc Á, sinh ngày 01/01/1963;

Địa chỉ cư trú: khóm T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp (nay Khóm T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.)

Người đại diện theo ủy quyền của bà Á là : ông Ngô Quang T, sinh năm 1971. Địa chỉ: Khóm B, Phường H, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*:

1. Bà Đỗ Nguyễn Thùy T1, sinh năm 1970;

2. Ông Phạm Minh C, sinh năm 1976;

Cùng địa chỉ cư trú: khóm T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp (nay ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp).

Địa chỉ mới: Khóm T, xã T, tỉnh Đồng Tháp. (nay Khóm Thượng 1, .....)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cho chị Đỗ Nguyễn Thùy T1 và anh Phạm Minh C là luật sư Hà Văn T2 – thuộc Công ty L – Đoàn luật sư Thành phố H.

- Người kháng cáo: Bà Đỗ Nguyễn Thùy T1 và ông Phạm Minh C là các bị đơn của vụ án.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

***- Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Ngọc Á và trình bày của ông Ngô Quang T (người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn) tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm:***

Vào năm 2021 bà Á có làm chủ hội và bà Đỗ Nguyễn Thùy T1 có tham gia chơi hội như sau (ngày chơi hội được tính theo ngày âm lịch):

- Dây hội 1: Dây hội 10.000.000 đồng, loại hội khui (mở) 01 tháng 01 lần, gồm có 18 phần tham gia, khui lần đầu vào ngày 09/12/2021; trong dây hội này bà T1 tham gia 02 phần, bà T1 hốt lần 1 **vào lần khui thứ 3 - ngày 09/02/2022**, số tiền hốt hội được là 133.900.000 đồng (đã giao cho T1 có làm biên nhận), bà T1 có châu hội chết **nhưng còn thiếu lại 02 lần hội chết, là 20.000.000 đồng. Chân thứ 2 bà T1 hốt hội vào ngày 09/4/2022 - lần khui thứ 5**, số tiền hốt hội là 134.250.000 đồng; bà T1 có châu hội chết **nhưng còn thiếu lại 02 lần hội chết** là 20.000.000 đồng. Như vậy tổng số tiền hội còn nợ của dây hội này **40.000.000 đồng**.

- Dây hội 2: Dây hội 10.000.000 đồng, loại hội khui (mở) 01 tháng 01 lần, gồm có 18 phần tham gia (dây hội này khui đầu là ngày 30/01/2022), trong dây hội này bà T1 tham gia 02 phần, bà T1 hốt lần 1 **vào lần khui thứ 2 - ngày 30/02/2022**, số tiền hốt hội được **132.700.000 đồng** (đã giao cho T1 có làm biên nhận), bà T1 có châu hội chết nhưng còn thiếu lại 02 lần hội chết, là 20.000.000 đồng. **Chân hội còn lại bà T1 vào lần khui thứ 3 - ngày 30/3/2022**, số tiền hốt hội là 131.500.000 đồng, bà T1 có châu hội chết **nhưng còn thiếu lại 02 lần hội chết** là 20.000.000 đồng. Như vậy tổng số tiền hội còn nợ của dây hội này **40.000.000 đồng**.

- Dây hội 3: Dây hội 20.000.000 đồng, loại hội khui (mở) 01 tháng 01 lần, gồm có 16 phần tham gia (dây hội này khui đầu là ngày 18/02/2022), trong dây hội này bà T1 tham gia 01 phần và bà T1 hốt hội **vào lần khui thứ 1 – ngày 18/02/2022, số tiền hốt hội được 247.500.000 đồng** (đã giao cho T1 có làm biên nhận), bà T1 có châu hội chết nhưng còn thiếu 01 lần hội chết, là **20.000.000 đồng**.

- Dây hội 4: Dây hội 20.000.000 đồng, loại hội khui (mở) 01 tháng 01 lần, gồm có 16 phần tham gia (dây hội này khui đầu là ngày 29/02/2022), trong dây hội này bà T1 tham gia 02 phần, bà T1 hốt lần 1 **vào lần khui thứ 3 - ngày 29/4/2022**, số tiền hốt hội được 235.000.000 đồng (đã giao cho T1 có làm biên

nhận), bà T1 có châu hội chết **nhưng còn thiếu lại 01 lần hội chết**, là 20.000.000 đồng. **Châu hội còn lại, bà T1 hốt vào lần khai thứ 4** - ngày 29/5/2022, số tiền hốt hội là 234.400.000 đồng, bà T1 có châu hội chết nhưng **còn thiếu lại 01 lần hội chết**, là 20.000.000 đồng. Như vậy tổng số tiền hội còn nợ của dây hội này **40.000.000 đồng**.

- Dây hội 5: Dây hội 10.000.000 đồng, loại hội khai (mở) 01 tháng 01 lần, gồm có 18 phần tham gia (dây hội này khai đầu là ngày 10/3/2022), trong dây hội này bà T1 tham gia 02 phần, bà trang hốt lần 1 vào **lần khai thứ 2** - ngày 10/4/2022, số tiền hốt hội được 130.450.000 đồng (đã giao cho T1 có làm biên nhận), bà T1 có châu hội chết **nhưng còn thiếu lại 04 lần hội chết**, là 40.000.000 đồng. **Châu hội còn lại, bà T1 hốt vào lần khai thứ 3** - ngày 10/5/2022, số tiền hốt hội là 130.000.000 đồng, bà T1 có châu hội chết **nhưng còn thiếu lại 04 lần hội chết**, là 40.000.000 đồng. Như vậy tổng số tiền hội còn nợ của dây hội này **80.000.000 đồng**.

- Dây hội 6: Dây hội 20.000.000 đồng, loại hội khai (mở) 01 tháng 01 lần, gồm có 16 phần tham gia (dây hội này khai đầu là ngày 28/4/2022), trong dây hội này bà T1 tham gia 01 phần, bà T1 hốt **vào lần khai thứ 3 - ngày 28/6/2022**, số tiền là 250.450.000 đồng (đã giao cho T1 có làm biên nhận), bà T1 có châu hội chết **nhưng còn thiếu lại 03 lần hội chết**, là **60.000.000 đồng**.

- Dây hội 7: Dây hội 10.000.000 đồng, loại hội khai (mở) 01 tháng 01 lần, gồm có 18 phần tham gia (dây hội này khai đầu là ngày 12/7/2022), trong dây hội này bà T1 tham gia 02 phần, bà trang hốt lần 1 vào **lần khai đầu** - ngày 12/7/2022, số tiền hốt hội được 129.800.000 đồng (đã giao cho T1 có làm biên nhận), bà T1 có châu hội chết **nhưng còn thiếu 07 lần hội chết**, là 70.000.000 đồng. **Châu hội còn lại, bà T1 hốt vào lần khai thứ 02 - ngày 12/8/2022**, số tiền hốt hội là **130.600.000 đồng**, bà T1 có châu hội chết **nhưng còn thiếu lại 07 lần hội chết**, là 70.000.000 đồng. Như vậy tổng số tiền hội còn nợ của dây hội này **140.000.000 đồng**.

- Dây hội 8: Dây hội **20.000.000** đồng, loại hội khai (mở) 01 tháng 01 lần, gồm có 16 phần tham gia (dây hội này khai đầu là ngày 23/7/2022), trong dây hội này bà T1 tham gia 02 phần, bà T1 **hốt lần 1 vào lần khai đầu** - ngày 23/7/2022, số tiền hốt hội được 229.200.000 đồng (đã giao cho T1 có làm biên nhận), bà T1 có châu hội chết **nhưng còn thiếu lại 06 lần hội chết**, là 120.000.000 đồng. **Châu hội còn lại, bà T1 hốt vào lần khai thứ 3** - ngày 23/9/2022, số tiền hốt hội là 230.450.000 đồng, bà T1 có châu hội chết **nhưng còn thiếu lại 06 lần hội chết**, là 120.000.000 đồng. Như vậy tổng số tiền hội còn nợ của dây hội này **240.000.000 đồng**.

- Dây hội 9: Dây hội 10.000.000 đồng, loại hội khai (mở) 01 tháng 01 lần, gồm có 18 phần tham gia (dây hội này khai đầu là ngày 06/8/2022), trong dây hội này bà T1 tham gia 02 phần, bà T1 **hốt lần khai đầu** - ngày 06/8/2022, số tiền hốt hội được 129.480.000 đồng (đã giao cho T1 có làm biên nhận), bà T1 có châu hội chết **nhưng còn thiếu lại 08 lần hội chết**, là 80.000.000 đồng. **Châu hội còn lại, bà T1 hốt vào lần khai thứ 4 - ngày 06/11/2022**, số tiền hốt hội là 133.200.000 đồng,

bà T1 có châu hụi chết **nhưng còn thiếu lại 08 lần hụi chết**, là 80.000.000 đồng. Như vậy tổng số tiền hụi còn nợ của dây hụi này **160.000.000 đồng**.

- Dây hụi 10: Dây hụi 10.000.000 đồng, loại hụi khui (mở) 01 tháng 01 lần, gồm có 18 phần tham gia (dây hụi này khui đầu là ngày 11/02/2023), trong dây hụi này bà T1 tham gia 02 phần, bà T1 hốt lần 1 **vào lần khui thứ 02** - ngày 11/02/2023, số tiền hốt hụi được 131.800.000 đồng (đã giao cho T1 có làm biên nhận), bà T1 có châu hụi chết **nhưng còn thiếu lại 14 lần hụi chết**, là 140.000.000 đồng. **Chân hụi còn lại, bà T1 vào lần khui thứ 05** - ngày 11/5/2023, số tiền hốt hụi là 136.200.000 đồng, bà T1 có châu hụi chết **nhưng còn thiếu lại là 2.300.000 đồng**. Như vậy tổng số tiền hụi còn nợ của dây hụi này **142.300.000 đồng**.

- Dây hụi 11: Dây hụi 10.000.000 đồng, loại hụi khui (mở) 01 tháng 01 lần, gồm có 18 phần tham gia (dây hụi này khui đầu là ngày 19/4/2022), trong dây hụi này bà T1 tham gia 02 phần, bà T1 hốt lần 1 vào **lần khui đầu** - ngày 19/4/2022, số tiền hốt hụi được **129.800.000 đồng** (đã giao cho T1 có làm biên nhận), bà T1 có châu hụi chết **nhưng còn thiếu lại 05 lần hụi chết**, là 50.000.000 đồng. **Chân hụi còn lại, bà T1 hốt vào lần khui thứ 02** - ngày 19/5/2022, số tiền hốt hụi là 129.800.000 đồng, bà T1 có châu hụi chết **nhưng còn thiếu lại 05 lần hụi chết**, là 50.000.000 đồng. Như vậy tổng số tiền hụi còn nợ của dây hụi này **100.000.000 đồng**.

Hiện nay các dây hụi này đã mãn, tổng số tiền hụi bà T1 còn nợ bà A là 1.062.300.000 đồng. Nay ông Ngô Quang T đại diện cho bà Phan Ngọc A yêu cầu bà Đỗ Nguyễn Thùy T1 và ông Phạm Minh C cùng liên đới trả số tiền hụi còn nợ là 1.062.300.000 đồng (do bà A góp (châu) thay), không yêu cầu tính lãi.

- **Trong quá trình tố tụng các bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn là ông Dương Văn N trình bày:** Thừa nhận trước đây bà T1, ông C có tham gia chơi hụi do bà A làm chủ hụi, nhưng việc chơi hụi đã kết thúc và bà T1, ông C đã châu hụi đầy đủ cho bà A (việc châu hụi không có làm giấy tờ và cũng không ai biết), khi kết thúc việc chơi hụi các bên không có tranh chấp với nhau. Nay ông N đại diện cho bị đơn bà Đỗ Nguyễn Thùy T1 và ông Phạm Minh C không thống nhất theo yêu cầu của nguyên đơn bà Phan Ngọc A, vì nguyên đơn bà Phan Ngọc A không cung cấp được chứng cứ để chứng minh rằng bà T1 và ông C còn nợ bà A số tiền 1.062.300.000 đồng.

Tại quyết định của bản án sơ thẩm số 32/2025/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự (nay Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Đồng Tháp) đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Ngọc A, về việc yêu cầu các bị đơn bà Đỗ Nguyễn Thùy T1, ông Phạm Minh C trả số tiền nợ hụi còn thiếu là 1.062.300.000 đồng.

2. Buộc các bị đơn bà Đỗ Nguyễn Thùy T1, ông Phạm Minh C có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Phan Ngọc A S tiền nợ hụi còn thiếu là 1.062.300.000đồng (không có lãi). (là tiền do bà Phan Ngọc A làm chủ hụi nộp thay của 11 dây hụi mở từ năm 2021)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, mà người phải thi hành án chưa thi hành các khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự trên số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành cho đến khi thi hành án xong.

### **3. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Các bị đơn bà Đỗ Nguyễn Thùy T1, ông Phạm Minh C, liên đới nộp 43.869.000 đồng.

Đối với nguyên đơn bà Phan Ngọc Á là thuộc trường hợp người cao tuổi đã được miễn nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm, nên không xem xét.

**Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự.**

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27/5/2025, bà Đỗ Nguyễn Thùy T1 và ông Phạm Minh C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị cấp phúc thẩm sửa án theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Phan Ngọc Á.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

+ Bà Đỗ Nguyễn Thùy T1 và ông Phạm Minh C vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến: Xét kháng cáo của bà T1 và ông C là không có căn cứ; nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà T1 và ông C giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghe ý kiến của các đương sự và quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Xét kháng cáo của bà Đỗ Nguyễn Thùy T1 và ông Phạm Minh C, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà T1 và ông C cũng thừa nhận từ cuối năm 2021 đến năm 2022 vợ chồng ông có tham gia chơi nhiều hụi do bà Á làm chủ; vợ chồng ông bà tham gia 11 dây hụi như phía bà Á trình bày, cũng như thừa nhận số chân hụi mà vợ chồng ông bà tham gia trong các dây hụi, số tiền mà vợ chồng ông bà bỏ hụi và hốt (lãnh) hụi cũng đều đúng như nguyên đơn trình bày, nhưng ông bà không thống nhất và đồng ý việc nguyên đơn cho rằng vợ chồng ông bà còn nợ lại số tiền hụi chết tổng cộng của 11 dây hụi là 1.062.300.000 đồng, mà cho rằng vợ chồng ông bà đã đóng hụi chết đầy đủ tất cả các dây hụi sau khi hốt.

Xét thấy, nguyên tắc về nghĩa vụ chứng minh thì bà Á đã cung cấp tài liệu, chứng cứ đầy đủ những dây hụi bà T1, ông C tham gia, cũng như sổ chân hụi trong dây hụi và số tiền hốt hụi là bao nhiêu, số tiền bà Á phải châu hụi chết cho bà T1, ông C. Ngoài ra, bà Á còn cung cấp chứng cứ là đoạn ghi âm cuộc đàm thoại (13 phút 06 giây) giữa bà Á với bà T1; nội dung cuộc đàm thoại thể hiện bà T1 thừa nhận còn nợ tiền hụi bà Á như bà Á trình bày và yêu cầu.

Còn đối với phía bị đơn, thì bà T1, ông C phải có nghĩa vụ chứng minh mình đã đóng (châu) đầy đủ tiền hụi chết. Nhưng bà T1, ông C cũng như người đại diện là ông N cũng đều không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho việc bị đơn đã châu (nộp) hụi chết đầy đủ cho bà Á; ông N cũng thừa nhận tại phiên tòa là việc châu (nộp) hụi chết cho bà Á là không có làm giấy tờ, biên nhận gì và cũng không ai biết, nên không có chứng cứ chứng minh.

Do vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Á, buộc bà T1, ông C có nghĩa vụ trả cho bà Á tiền nợ hụi tổng cộng 1.062.300.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Đỗ Nguyễn Thùy T1 và ông Phạm Minh C cũng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đỗ Nguyễn Thùy T1 và ông Phạm Minh C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: việc chơi hụi chủ hụi chưa thực hiện đầy đủ về quyền của chủ hụi chưa áp dụng Nghị định 19 của Chính phủ, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là vi phạm điều 12 của Nghị định 19. Điều này được chứng minh tại vi bằng số 61 mà bị đơn đã cung cấp ở cấp phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn không chứng minh được số tiền bị đơn thiếu, còn bị đơn thì cho rằng đã đóng hụi đầy đủ. Nhận thấy nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền thiếu là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Xét thấy đề nghị của luật sư là chưa có căn cứ như nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

[2] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu về việc tuân thủ pháp luật từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng quy định của pháp luật và không có kiến nghị. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề xuất hướng giải quyết là không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đỗ Nguyễn Thùy T1 và ông Phạm Minh C, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự (nay Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Đồng

Tháp). Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị trên là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên bà Đỗ Nguyễn Thùy T1 và ông Phạm Minh C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 280, 471 Bộ luật dân sự;
- Căn cứ các Điều 27, 30 Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của bà Đỗ Nguyễn Thùy T1 và ông Phạm Minh C.
- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2025/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự (nay Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Đồng Tháp).

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Ngọc Ân, về việc yêu cầu các bị đơn bà Đỗ Nguyễn Thùy T1, ông Phạm Minh C trả số tiền nợ hui còn thiếu là 1.062.300.000 đồng.

2. Buộc các bị đơn bà Đỗ Nguyễn Thùy T1, ông Phạm Minh C có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Phan Ngọc Ân S tiền nợ hui còn thiếu là 1.062.300.000đồng (không có lãi). (là tiền do bà Phan Ngọc Ân làm chủ hui nộp thay của 11 dây hui mở từ năm 2021)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, mà người phải thi hành án chưa thi hành các khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự trên số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành cho đến khi thi hành án xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Các bị đơn bà Đỗ Nguyễn Thùy T1, ông Phạm Minh C, liên đới nộp 43.869.000 đồng.

Đối với nguyên đơn bà Phan Ngọc Ân là thuộc trường hợp người cao tuổi đã

được miễn nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm, nên không xem xét.

#### **4. Về án phí phúc thẩm:**

Bà Đỗ Nguyễn Thùy T1 và ông Phạm Minh C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0014809 ngày 05/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

**5.** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- Phòng TT, KTNV & THA Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND Khu vực 12 – Đồng Tháp;
- Phòng THADS Khu vực 12 – Đồng Tháp;
- Dương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy**